

BẢN TIN DỰ BÁO MÙA

DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI, SỬ DỤNG NƯỚC TRONG HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI PHỤC VỤ SẢN XUẤT VÙNG ĐBSCL

(Vụ Hè Thu năm 2026)

1. CÁC KỊCH BẢN VỀ HẠN HÁN, XÂM NHẬP MẶN

Phân tích lịch sử dòng chảy mùa khô về Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) qua Kratie những năm gần đây, 3 kịch bản về nguồn nước (năm nhiều nước, trung bình nước và ít nước) như đưa ra ở Bảng 1.

Bảng 1: Đặc trưng lưu lượng về ĐBSCL Kratie ứng với 3 kịch bản về nước

Năm thủy văn	Thời gian (Tháng trong năm)						
	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6
Nhiều nước (P25%)	6.844	4.847	3.598	3.746	4.191	5.413	10.526
Trung bình nước (P50%)	5.591	4.148	3.396	3.442	3.910	4.770	8.366
Năm ít nước (P75%)	4.936	3.779	3.047	3.032	3.421	3.397	6.211

Chiều sâu xâm nhập mặn ứng với nồng độ mặn 4g/l trên dòng chính theo các cửa sông tính từ biển vào nội vùng ĐBSCL được phân tích, tổng hợp từ các số liệu thực đo và tính toán ứng với 3 kịch bản về nguồn nước (năm nhiều nước, trung bình nước và ít nước) như đưa ra ở Bảng 2.

Bảng 2: Xâm nhập mặn 4g/l theo các cửa sông chính ứng với các năm điển hình

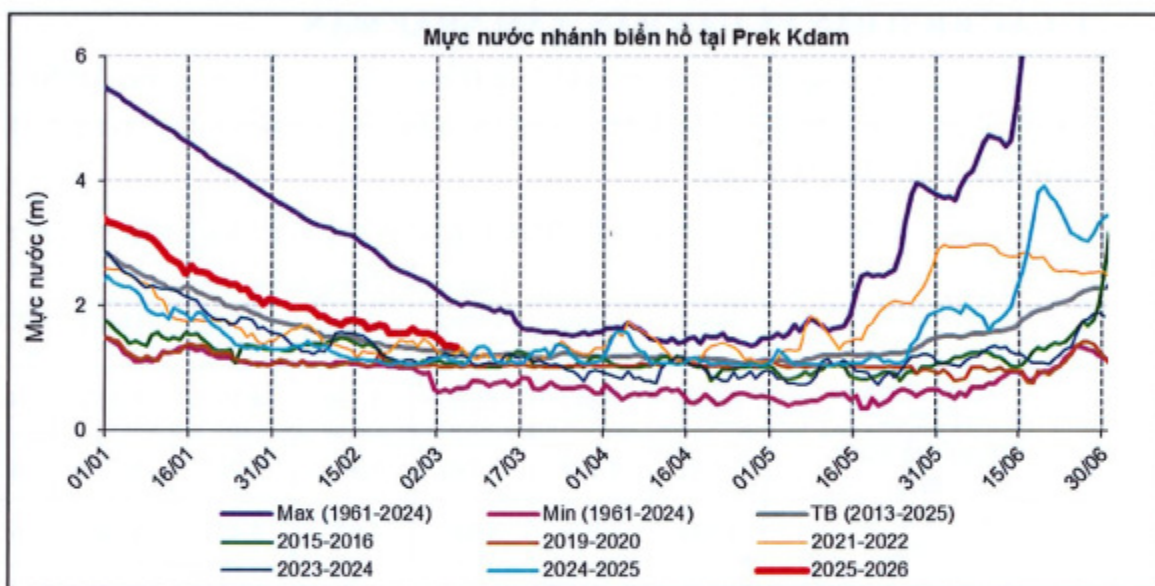
Cửa sông	Chiều dài xâm nhập mặn (km)		
	Năm nhiều nước	Năm TB nước	Năm ít nước
Vàm Cỏ Đông	49	65	90
Vàm Cỏ Tây	48	64	91
Cửa Tiểu	30	40	42
Cửa Đại	28	38	40
Hàm Luông	35	40	46
Cổ Chiên	32	46	48
Sông Hậu	36	43	45
Cái Lớn	38	40	48

2. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC SÔNG MÊ CÔNG

Tính đến đầu tháng 3 lưu vực sông Mê Công đã vào thời kỳ giữa mùa khô năm 2026. Hai yếu tố thượng lưu quan trọng liên quan đến nguồn nước, xâm nhập mặn ở ĐBSCL là lượng trữ trong Biển Hồ (Tonle Sap) và dòng chảy trên dòng chính sông Mê Công. Dưới đây là hiện trạng của hai yếu tố này cập nhật đến hiện tại.

2.1. Chế độ nước trong Biển Hồ (Tonle Sap)

Mực nước nhánh vào hồ Tonle Sap tại Prek Kdam (Hình 1), ngày 05/3 ở cao trình 1,34m. Dung tích Biển Hồ còn khoảng 3,26 tỷ m³, Biển Hồ ở thời kỳ gần cuối giai đoạn xả nước, điều tiết dòng chảy từ biển hồ xuống hạ lưu từ nay đến hết mùa khô là không đáng kể so với dòng chảy đến từ thượng nguồn sông Mê Công.

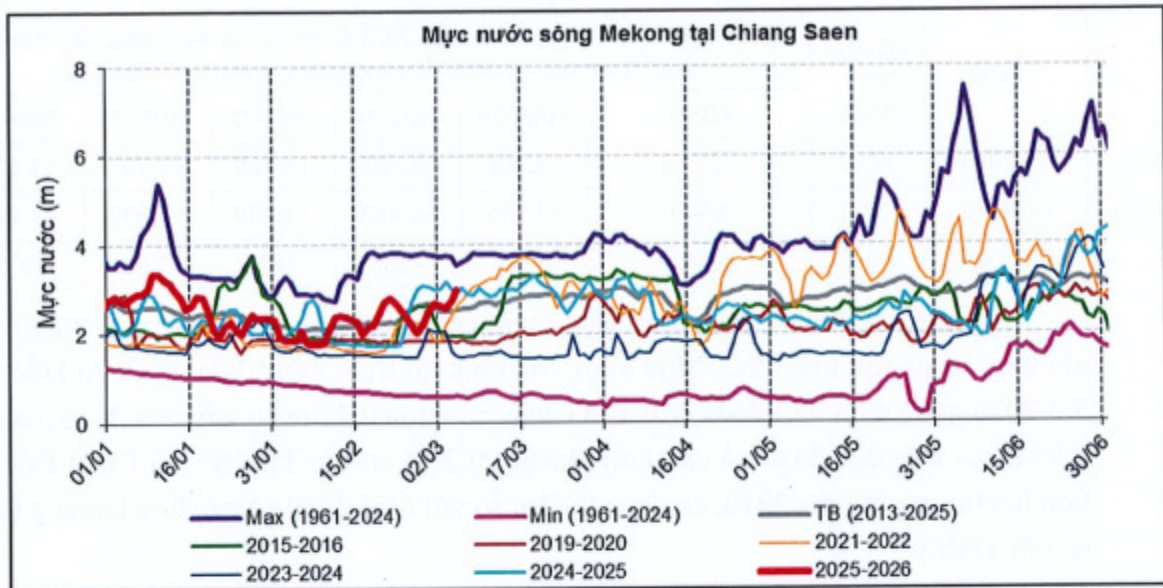


Hình 1: Diễn biến nước trạm Prek Kdam - Biển Hồ Tonle Sap, cập nhật ngày 05/3

2.2. Dòng chảy trên dòng chính sông Mê Công

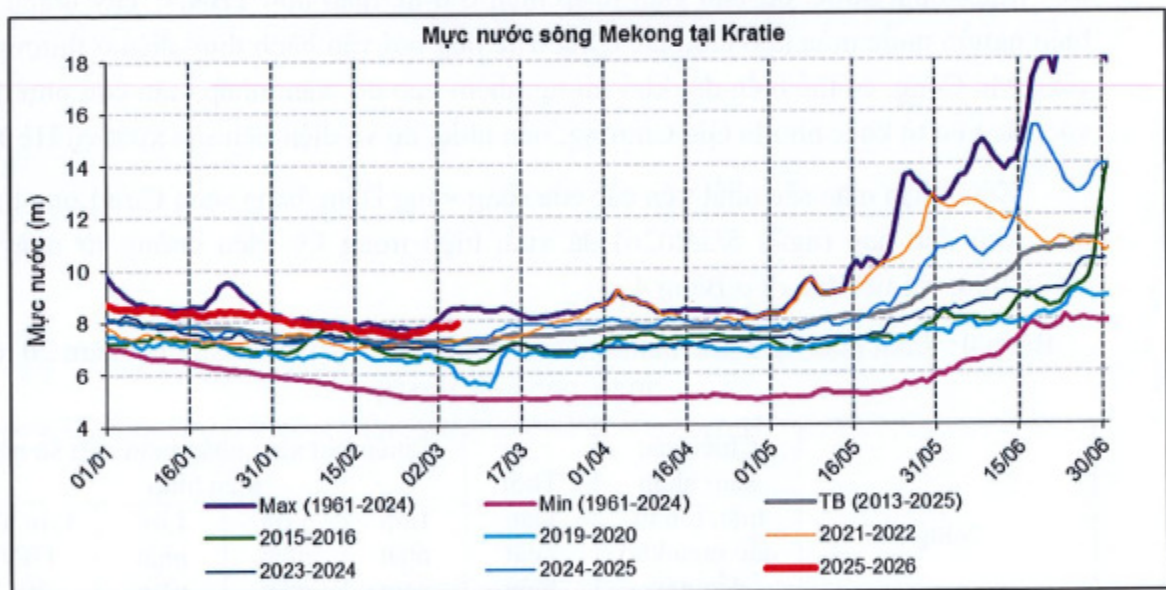
Hình 2 và Hình 3 cập nhật diễn biến mực nước đến ngày 5/3/2026 tại trạm Chiang Saen và trạm Kratie (đầu châu thổ Mê Công, cách biên giới 310km) trên dòng chính sông Mê Công về đồng bằng. Từ biểu đồ cho thấy, nguồn nước được duy trì ở mức bằng hoặc cao hơn trung bình nhiều năm (2013-2025) (TBNN).

Mực nước tại trạm Chiang Sean (Giáp với Trung Quốc, cách Việt Nam khoảng 2.209 km) ngày 5/3/2026 ở mức 2,97m, cao hơn so với cùng kỳ năm 2025 khoảng 0,07m, cao hơn 0,42 m so với TBNN.



Hình 2: Diễn biến mực nước (cao độ tương đối) tại Chiang Saen –Thái Lan

Tại trạm Kratie: tính đến ngày 5/3/2026, mực nước tại Kratie ở mức 7,90m, cao hơn cùng kỳ năm 2025 khoảng 0,68m và cao hơn TBNN khoảng 0,80m.



Hình 3: Diễn biến nước về qua trạm Kratie

Dòng chảy về ĐBSCL phụ thuộc chủ yếu vào dòng chảy qua trạm Kratie và lưu lượng chảy ra từ Biển Hồ Tonlesap. Lưu lượng bình quân qua trạm Kratie trong tháng 2/2026 đạt $4.012 \text{ m}^3/\text{s}$, được xem ở mức cao hơn TBNN. Diễn biến lưu lượng trung bình các tháng đầu mùa khô vừa qua như đưa ra ở Bảng 3:

Bảng 3: Diễn biến lưu lượng mùa khô 2025-2026 và so sánh với một số năm điển hình

Tháng	Q _{Kratie} 2025-2026	Khác biệt lưu lượng (m^3/s) năm 2025-2026 so với lưu lượng đặc trưng TBNN và một số năm khác cùng kỳ ($Q_{\text{Kratie } 25-26} - Q_{\text{so sánh}}$)					
		TBNN	2024-25	2023-24	2022-23	2019-20	2015-16
11/2025	17.973	+8.404	+8.939	+7.510	+8.102	+13.655	+11.600

Tháng	Qkratie 2025-2026	Khác biệt lưu lượng (m ³ /s) năm 2025-2026 so với lưu lượng đặc trưng TBNN và một số năm khác cùng kỳ ($Q_{krtie\ 25-26} - Q_{so\ sánh}$)					
		TBNN	2024-25	2023-24	2022-23	2019-20	2015-16
12/2025	7.262	+1.762	+2.368	+1.795	+1.888	+3.794	+3.420
01/2026	5.051	+940	+1.055	+1.183	+1.039	+1.992	+1.919
02/2026	4.012	+640	+734	+803	+428	+1.626	+975

Tại Tân Châu và Châu Đốc: Mực nước có xu thế biến động theo triều ngày một gia tăng kể từ đầu mùa khô. Mực nước lớn nhất tại trạm Tân Châu và Châu Đốc ngày 5/3/2026 đạt 1,43m và 1,55m. Tại Tân Châu, cao hơn 0,42 m so với năm 2016, cao hơn 0,55 m so với năm 2020 và cao hơn khoảng 0,23m so với TBNN. Tại Châu Đốc, cao hơn 0,43m so với năm 2016, cao hơn 0,52m so với năm 2020 và cao hơn khoảng 0,21m so với TBNN.

3. HIỆN TRẠNG XÂM NHẬP MẶN

3.1. Diễn biến xâm nhập mặn

Nguồn nước về ĐBSCL mùa khô 2025-2026 được dự báo thuộc vào nhóm năm trên trung bình nước, dự báo xâm nhập mặn ở mức thấp hơn TBNN. Tuy nhiên diễn biến nguồn nước mùa khô chịu tác động trực tiếp bởi vận hành thủy điện ở thượng lưu sông Mê Công, có thể biến đổi khó lường, thêm vào đó, xâm nhập mặn còn phụ thuộc vào các yếu tố khác như là Gió Chướng, nền nhiệt độ và diện tích sản xuất vụ Hè Thu.

Xâm nhập mặn sâu nhất trên các cửa sông vùng Đồng bằng sông Cửu Long từ đầu mùa khô đến nay (ngày 5/3/2026) đã xuất hiện trong kỳ triều cường từ ngày 14-19/2/2026, chi tiết đưa ra ở Bảng 4.

Bảng 4: Ranh mặn 4g/l sâu nhất từ đầu năm 2026 so với mức sâu nhất năm 2016, 2020, 2025 và TBNN

Sông	Chiều sâu xâm nhập mặn lớn từ đầu mùa khô đến nay (5/3/2026)	Thời gian xuất hiện	Chiều sâu xâm nhập mặn một số năm điển hình			
			Lớn nhất năm 2025	Lớn nhất năm 2020	Lớn nhất năm 2016	Lớn nhất TBNN (2013-2025)
Vùng hai sông Vàm Cỏ						
Vàm Cỏ Đông	49	19/2	65	91	111	79
Vàm Cỏ Tây	46	19/2	62	143	123	86
Vùng cửa sông Cửu Long						
Sông Cửa Tiểu-Đại	40	12,19/2	43	91	48	46
Sông Hàm Luông	41	14/2	61	78	73	57
Sông Cổ Chiên	48	16/2	61	68	65	51
Sông Hậu	46	13/2	53	62	60	49
Vùng ven biển Tây trên sông Cái Lớn						
Sông Cái Lớn	40	29/1	47	62	67	56

3.2. Ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp

Do nguồn nước vụ Đông Xuân 2025-2026 khá thuận lợi, xâm nhập mặn được kiểm soát tốt bởi hệ thống công trình thủy lợi, các địa phương chủ động tích trữ nước từ sớm, cùng với sự chỉ đạo xuống giống sớm nên không có ảnh hưởng bởi hạn hán và xâm nhập mặn được ghi nhận.

4. DỰ BÁO NHU CẦU NƯỚC VÀ TIỀM NĂNG NGUỒN NƯỚC MÙA KHÔ NĂM 2026 VỀ ĐBSCL

4.1. Dự báo mưa ĐBSCL

Ba kịch bản mưa được dự báo cho các vùng ĐBSCL.

Bảng 5: Dự báo mưa một số trạm ĐBSCL

ĐBSCL		Mưa tháng trong năm (mm/tháng)							
		11	12	1	2	3	4	5	6
Châu Đốc	Ít mưa	29	2	0	0	0	3	65	51
	Trung bình	126	21	2	0	3	43	99	70
	Nhiều mưa	229	57	12	2	19	50	139	95
Chợ Mới	Ít mưa	21	1	0	0	0	5	30	87
	Trung bình	115	36	14	0	9	76	91	101
	Nhiều mưa	269	80	38	12	38	82	169	164
Long Xuyên	Ít mưa	29	7	0	0	0	2	37	88
	Trung bình	163	37	4	1	27	30	118	130
	Nhiều mưa	223	86	17	6	100	57	176	101
Cao Lãnh	Ít mưa	72	4	0	0	0	2	53	102
	Trung bình	137	25	3	0	0	19	126	146
	Nhiều mưa	158	48	10	0	48	47	130	139
Mộc Hóa	Ít mưa	61	3	0	0	0	10	61	53
	Trung bình	151	26	4	0	12	26	102	137
	Nhiều mưa	265	73	20	6	35	116	194	191
Tuyên Nhơn	Ít mưa	50	5	0	0	0	5	49	86
	Trung bình	114	52	0	0	2	13	78	111
	Nhiều mưa	256	119	11	21	39	65	187	139
Cần Thơ	Ít mưa	29	2	0	0	0	3	65	51
	Trung bình	126	21	2	0	3	43	99	70
	Nhiều mưa	229	57	12	2	19	50	139	95
Càng Long	Ít mưa	21	1	0	0	0	5	30	87
	Trung bình	115	36	14	0	9	76	91	101
	Nhiều mưa	269	80	38	12	38	82	169	164
Cao Lãnh	Ít mưa	29	7	0	0	0	2	37	88
	Trung bình	163	37	4	1	27	30	118	130
	Nhiều mưa	223	86	17	6	100	57	176	101
Mộc Hóa	Ít mưa	72	4	0	0	0	2	53	102
	Trung bình	137	25	3	0	0	19	126	146
	Nhiều mưa	158	48	10	0	48	47	130	139
Mỹ Tho	Ít mưa	61	3	0	0	0	10	61	53
	Trung bình	151	26	4	0	12	26	102	137
	Nhiều mưa	265	73	20	6	35	116	194	191
Tân An	Ít mưa	50	5	0	0	0	5	49	86

ĐBSCL		Mưa tháng trong năm (mm/tháng)							
		11	12	1	2	3	4	5	6
	Trung bình	114	52	0	0	2	13	78	111
	Nhiều mưa	256	119	11	21	39	65	187	139
Trà Vinh	Ít mưa	29	2	0	0	0	3	65	51
	Trung bình	126	21	2	0	3	43	99	70
	Nhiều mưa	229	57	12	2	19	50	139	95
Tuyên Nhơn	Ít mưa	21	1	0	0	0	5	30	87
	Trung bình	115	36	14	0	9	76	91	101
	Nhiều mưa	269	80	38	12	38	82	169	164
Bạc Liêu	Ít mưa	50	4	0	0	0	0	103	216
	Trung bình	161	23	0	0	1	16	183	274
	Nhiều mưa	206	65	2	0	11	72	263	345
Ba Tri	Ít mưa	11	0	0	0	0	0	65	137
	Trung bình	84	6	0	0	0	13	149	204
	Nhiều mưa	155	31	2	0	3	76	209	265
Cà Mau	Ít mưa	88	15	0	0	0	11	172	205
	Trung bình	194	43	14	1	7	94	237	324
	Nhiều mưa	250	75	35	17	66	158	274	433
Sóc Trăng	Ít mưa	51	2	0	0	0	2	102	174
	Trung bình	123	24	0	0	2	34	222	275
	Nhiều mưa	170	58	3	0	10	92	325	343
Rạch Giá	Ít mưa	77	3	0	0	0	6	151	190
	Trung bình	185	35	5	0	12	66	238	286
	Nhiều mưa	246	74	21	22	65	133	300	357
Tân An	Ít mưa	44	0	0	0	0	0	79	96
	Trung bình	104	16	0	0	1	33	139	198
	Nhiều mưa	165	57	7	4	19	81	193	246

4.2. Nhu cầu nước

Nhu cầu nước vụ Đông Xuân và Hè Thu 2026 vùng ĐBSCL được dự báo như bảng 6, nhu cầu nước cao nhất các tháng 1 và 2. Sang tháng 3 nhu cầu nước cho vụ Đông xuân giảm, nhu cầu nước vụ Hè Thu tăng dần.

Bảng 6: Tổng hợp nhu cầu nước theo từng tháng và theo các kịch bản vùng ĐBSCL cho sản xuất vụ Đông Xuân và Hè Thu (tỷ m³)

Kịch bản	Thời gian (tháng)						
	12	1	2	3	4	5	6
Thấp	3,79	3,25	2,80	2,33	1,97	3,13	1,10
Trung Bình	4,45	3,82	3,29	2,74	2,32	3,68	1,30
Cao	4,90	4,21	3,62	3,02	2,55	4,05	1,43

4.3. Dự báo tiềm năng nguồn nước về các vùng

Trong các tháng mùa kiệt tính từ tháng 01 đến nay, xả nước từ thủy điện Cảnh Hồng xuống hạ lưu dao động phổ biến trong khoảng từ 621 m³/s đến 2.354 m³/s, hiện xả nước từ các thủy điện Trung Quốc xuống hạ lưu có xu thế tăng. Đến thời điểm hiện tại, các hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công thuộc Trung Quốc còn dung tích điều tiết

là 16,68 tỷ m³, tương đương với 70,2% tổng dung tích hữu ích. Các hồ chứa hạ lưu vực Mê Công còn 64,9% tổng dung tích hữu ích. Tổng dung tích nước trên các hồ chứa thượng nguồn có thể điều tiết cho mùa kiệt năm 2026 vào khoảng 43,75 tỷ m³.

Dòng chảy kiệt về Đồng bằng phụ thuộc vào vận hành của các thủy điện trên lưu vực Mê Công. Dự báo dòng chảy bình quân về ĐBSCL các tháng cuối mùa kiệt 2026 tại Bảng 7.

Bảng 7: So sánh lưu lượng dự báo tại Kratie 2025-2026 với một số năm

Tháng	Qkratie (m ³ /s)	So với một số năm					
		TB (2013-2025)	2024-25	2023-24	2022-23	2019-20	2015-16
Th.02/2026	4.012	+640	+734	+803	+428	+1.626	+975
Dự báo Th.3/2026	3.645	+178	-172	+852	-16	+1.501	+1.061
Dự báo Th.4/2026	3.975	+45	-216	+945	+554	+1.108	+566
Dự báo Th.5/2026	4.838	+93	-353	+1.100	+1.438	+1.699	+1.596
Dự báo Th. 6/2026	7.959	-408	-5.689	+1.585	+1.609	+3.265	+1.962

Theo dự báo cập nhật ENSO ngày 19/02/2026 của IRI/CPC, trạng thái ENSO hiện ở pha La Niña suy yếu. Trong giai đoạn tháng 2 đến tháng 4/2026 xác suất ENSO trung tính là 96%. Điều kiện ENSO trung tính tiếp tục chiếm ưu thế trong giai đoạn tháng 3-tháng 5 (90%) và tháng 4-tháng 6 (65%). Giai đoạn tháng 5-tháng 7, xác suất El Niño trở nên cao hơn so với ENSO trung tính và duy trì ở mức từ 58% đến 61%.

Nguồn nước về đồng bằng thuộc nhóm năm trên trung bình nước, nhưng vẫn phụ thuộc vào sự vận hành thủy điện trên lưu vực. Dự báo xâm nhập mặn lớn nhất mùa khô năm 2025-2026 khả năng xuất hiện vào cuối tháng 3/2026 (*kỳ triều cường từ ngày 18-22/3/2026*) ở các cửa sông sông Cửu Long với mức ranh mặn 4g/l vào sâu từ **41-55 km** (tùy cửa sông) so với TBNN ở mức xấp xỉ, so với năm 2025 thấp hơn 5-11km. Chi tiết tại các cửa sông như sau:

- Sông cửa Tiểu, cửa Đại: Ranh mặn 4g/l có khả năng vào sâu cách cửa sông từ **41-43km**, so với năm 2025 thấp hơn từ 1-2km, so với năm 2020 thấp hơn từ 46-49km, so với năm 2016 thấp hơn từ 6-9km.

- Sông Hàm Luông: Ranh mặn 4g/l có khả năng vào sâu cách cửa sông từ **50-55km**, so với năm 2025 thấp hơn từ 6-11km, so với năm 2020 thấp hơn từ 23-28km, so với năm 2016 thấp hơn từ 18-21km.

- Sông Cổ Chiên: Ranh mặn 4g/l có khả năng vào sâu cách cửa sông từ **50-55km**, so với năm 2025 thấp hơn từ 6-11km, so với năm 2020 thấp hơn từ 13-18km, so với năm 2016 thấp hơn từ 10-15km.

- Sông Hậu: Ranh mặn 4g/l có khả năng vào sâu cách cửa sông từ **48-50km**, so với năm 2025 thấp hơn từ 3-5km, so với năm 2020 thấp hơn từ 15-18km, so với năm 2016 thấp hơn từ 12-14km.

Tại sông Vàm Cỏ (Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây) với ranh mặn 4g/l dự báo từ **55-60km**, so với năm 2025 thấp hơn từ 5-7km, so với TBNN thấp hơn từ 19-24km có khả năng tăng cao đến tháng 4/2026 nếu khu vực chưa hiện mưa.

Đối với cửa sông Cái Lớn Cái Bé, xâm nhập mặn đã được kiểm soát nhờ cống Cái Lớn, Cái Bé.

5. KHUYẾN NGHỊ SẢN XUẤT VÀ QUẢN LÝ NƯỚC VỤ HÈ THU 2025

Tiềm năng nguồn nước về đồng bằng thuộc nhóm năm trên trung bình nước, ảnh hưởng của La Nina đã suy yếu trong giai đoạn tháng 2 đến tháng 4/2026, ENSO trung tính chiếm ưu thế, dự báo mặn xâm nhập mùa kiệt 2025-2026 ở mức thấp hơn trung bình nhiều năm, điều tiết từ các thủy điện dự báo có xu thế gia tăng từ giữa tháng 3. Nguồn nước cơ bản đảm bảo cấp nước đủ diện tích theo kế hoạch sản xuất của các địa phương. Tuy nhiên, dòng chảy mùa kiệt có thể tăng hoặc giảm bất thường từng thời đoạn, phụ thuộc vào sự vận hành thủy điện trên lưu vực, vì vậy để đảm bảo an toàn cho sản xuất, các địa phương cần chủ động các giải pháp ứng phó hạn mặn phù hợp với điều kiện của vùng. Ngoài ra, các tỉnh ven biển cần đề phòng Gió Chướng có thể làm mặn xâm nhập sâu hơn dự báo.

6. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

Dự báo nguồn nước về ĐBSCL mùa khô 2025-2026 thuộc nhóm năm trên trung bình nước, xâm nhập mặn ở mức trung bình hoặc dưới trung bình nhiều năm. Dự báo mặn vào sâu nhất kỳ triều cường 18-22/3/2026 với ranh mặn 4g/l vào khoảng 41-55km, các tháng sau mặn có xu thế giảm nhẹ. Tích nước bất thường có thể làm mặn vào sâu hơn so với dự báo. Các địa phương cần chủ động xây dựng các giải pháp ứng phó phòng chống hạn mặn phù hợp với điều kiện của vùng và theo dõi các bản tin cập nhật hàng tuần từ Viện để có kế hoạch lấy nước và kiểm soát mặn đảm bảo an toàn cho sản xuất vụ Hè Thu.

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Phú Quỳnh

Ghi chú:

- Việc dự báo nguồn nước mùa khô đang được thực hiện tại Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam theo sự phân công của Bộ. Bản tin dự báo sẽ được tiếp tục cập nhật các tuần kế tiếp và được đăng trên Website: <http://www.sivrr.org.vn/?gid=94>
- Ngoài ra để phục vụ kịp thời cho sản xuất, kính đề nghị các địa phương có các thông tin về tình hình xâm nhập mặn, nguồn nước, sản xuất hoặc có yêu cầu khác xin gửi về Viện theo email: dbnn.db scl19@gmail.com.